

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/DS-ST
Ngày 27-02-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Ông Hà Bửu Khánh

Bà Nguyễn Hồng Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 368/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X - sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức D - sinh năm: 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà Trần Trúc L - sinh năm: 1983. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào năm 2023, bà Nguyễn Thị X có tổ chức chơi hui do bà X làm chủ, vợ chồng ông D và bà L có tham gia chơi 02 dây hui, cụ thể như sau:

1. Dây hội 1, hội mùa, mỗi chân 3.000.000 đồng, mở hội ngày 20/02/2023, có 21 hội viên, mỗi năm kêu hội 03 lần theo vụ lúa. Vợ chồng ông D và bà L tham gia chơi 01 chân, hội kêu đến lần thứ 3 (ngày 25/8/2023), ông D và bà L đã hốt hội được số tiền 33.300.000 đồng và đã đóng lại hội chết được đến lần kêu hội thứ 4. Hoa hồng mỗi kỳ kêu hội mà chủ hội được hưởng là 1.500.000 đồng. Hiện dây hội này chưa kết thúc, tính đến ngày 05/11/2024, ông D và bà L đã nợ 02 kỳ đóng hội chết, mỗi kỳ 2.000.000 đồng với số tiền là 6.000.000 đồng.

2. Dây hội 2, hội mùa, mỗi chân 3.000.000 đồng, mở hội ngày 20/02/2023, có 21 hội viên, mỗi năm kêu hội 03 lần theo vụ lúa, vợ chồng ông D và bà L tham gia chơi 01 chân, ông D và bà L đã đóng hội đến lần thứ 4 được số tiền 6.440.000 đồng, đến lần kêu hội thứ 5 (ngày 7/5/2024) thì ông D và bà L không đóng hội nữa. Hoa hồng mỗi kỳ kêu hội mà chủ hội được hưởng là 1.500.000 đồng. Tính đến ngày khởi kiện 05/11/2024, ông D và bà L còn nợ 02 kỳ chưa đóng, kỳ thứ 5 hội kêu 950.000 đồng, phải đóng 2.050.000 đồng và kỳ thứ 6, 25/8/2024 hội kêu 1.350.000 đồng, phải đóng 1.650.000 đồng. Số tiền hội 02 lần ông D và bà L còn nợ chưa góp là 3.700.000 đồng

Nay bà X yêu cầu ông D và bà L phải trả số tiền hội còn thiếu tạm tính đến ngày 05/11/2024 của 02 dây hội, tổng số tiền hội là 9.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại bản tự khai, bị đơn - ông Nguyễn Đức D và bà Trần Trúc L trình bày:

Ông D và bà L thừa nhận ông bà có tham gia chơi các chân hội do bà X làm chủ hội như bà X đã trình bày trong đơn khởi kiện là đúng, ông bà tham gia tổng cộng 02 dây hội mùa, hiện đã hốt 01 chân hội và còn 01 chân hội chưa hốt và có vi phạm nghĩa vụ đóng hội như bà X trình bày. Sau khi hốt hội ông bà lấy vốn làm ăn nhưng bị thất bại thua lỗ, hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng đóng lại hội chết và dây hội còn sống cho bà X, xin gia hạn thời hạn trả và yêu cầu trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức D và bà Trần Trúc L phải trả số tiền nợ hội còn thiếu đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, T án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Bị đơn - ông D và bà L đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng nhưng ông bà đều có đơn xin xét xử vắng mặt bận công việc, xét thấy ông bà đã có bản tự khai trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận sự việc tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hội cụ thể như sau: Bà X có mở các dây hội, ông D và bà L trực tiếp tham gia 02 dây hội mùa do bà X làm chủ hội, cả 02 dây đều mở hội ngày 20/02/2023.

Ông D và bà L thừa nhận có tham gia chơi 02 chân hội do bà X làm chủ, ông D và bà L bà đã lĩnh 01 phần hội vào ngày 25/8/2023, số tiền 33.300.000 đồng. Hiện ông D và bà L còn nợ tiền hội của bà X dây hội thứ nhất (dây hội đã hót) tạm tính đến ngày 05/11/2024, chân hội chót 02 kỳ không đóng là 6.000.000 đồng và dây hội thứ hai, áp ngày 20/02/2023 (dây hội còn chưa hót) tạm tính đến ngày 05/11/2024, còn 02 kỳ chưa đóng là 3.700.000 đồng. Tổng cộng nợ tiền 02 dây hội tạm tính đến ngày 05/11/2024 là 9.700.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy tại thời điểm giao kết các bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng góp hội đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo thỏa thuận, khi đến kỳ đóng hội thì thành viên tham gia chơi hội phải có nghĩa vụ góp hội lại chủ hội, việc ông D và bà L đã được lĩnh hội xong một phần nhưng ông bà không góp hội cho bà X theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của thành viên tham gia chơi hội, bà X yêu cầu ông bà phải góp hội là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biếu phượng.

Quá trình tham gia chơi hội, ông D và bà L cùng trực tiếp tham gia và thực hiện hợp đồng góp hội nên căn cứ Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử buộc ông D và bà L phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ góp hội.

Do bà X không yêu cầu ông D và bà L phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà X khởi kiện yêu cầu ông D và bà L phải trả số tiền nợ hội còn thiếu là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biếu phượng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông D và bà L phải liên đới thực

hiện nghĩa vụ góp hụi cho bà X tạm tính đến ngày 05/11/2024, tổng cộng là 9.700.000 đồng.

Kể từ ngày X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông D và bà L không trả đủ tiền thì ông D và bà L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông D và bà L thừa nhận nợ nhưng do làm ăn thất bại nên xin trả dần nhưng không xác định được thời gian và cách thức thanh toán nợ, bà X không đồng ý nên sẽ được xem xét khi thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận toàn bộ nên hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008919 ngày 05/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Buộc ông Nguyễn Đức D và bà Trần Trúc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $9.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 485.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 288, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ a khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu phưởng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với Nguyễn Đức D và bà Trần Trúc L về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc Nguyễn Đức D và bà Trần Trúc L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền nợ hụi còn thiếu, tạm tính đến ngày 05/11/2024, đây hụi thứ nhất (đây hụi đã hốt) là 6.000.000 đồng và đây hụi thứ hai (đây hụi chưa hốt) là 3.700.000 đồng. Tổng cộng là 9.700.000 đồng (*Chín triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Trúc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $9.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 485.000 \text{ đồng}$ (*Bốn trăm, tám mươi lăm nghìn đồng*)

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008919 ngày 05/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, bà X được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 27/02/2025, ông D và bà L được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thúy An